TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2025
V/v: "Tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ

2. Ông Nguyễn Trọng Vinh

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Tiến Danh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: bà Cao Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 583/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025, về việc "*Tranh chấp ly hôn, con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Đình Thu T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số G T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Đường B, khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 9 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Đình Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh T1 chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2009 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2009. Hôn nhân là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trước khi kết hôn với nhau, cả hai anh chị đều chưa từng kết hôn với ai khác.

Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng từ năm 2016 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Nguyễn Thanh T1 mỗi khi say rượu thì sẽ đánh chị và trong cuộc sống thường ngày anh T1 rất ít quan tâm đến chị. Cuối

năm 2021, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị cùng 02 con nhỏ đến sinh sống tại phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, anh Nguyễn Thanh T1 vẫn sống tại thành phố L, trong khi chị và 02 con sống tại thành phố Đà Nẵng. Anh T1 chỉ thỉnh thoảng gọi điện hỏi thăm con và cho con tiền học, còn lại vợ chồng không thăm hỏi, không liên lạc với nhau, khi biết chị làm đơn yêu cầu ly hôn, anh T1 nói "muốn làm gì thì làm". Bản thân chị đã gửi đơn yêu cầu được giải quyết ly hôn 02 lần nhưng vì anh T1 không hợp tác, chị thì ở xa, không đến Tòa án làm việc theo như giấy triệu tập nên Tòa án đã đình chỉ việc giải quyết đơn của chị. Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã không sống chung, không quan tâm, chăm sóc nhau từ hơn 04 năm nay nên yêu cầu Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 12/11/2009 và cháu Nguyễn Trung Q, sinh ngày 13/12/2015. Khi ly hôn, chị Nguyễn Đình Thu T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh Nguyễn Thanh Trung cấp D nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có tài sản chung, không cho ai mượn nợ và cũng không nợ ai.

* *Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm*:

- *Bản chính:* Đơn khởi kiện; Giấy chứng nhận kết hôn; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bản tự khai đề ngày 05/11/2024; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Biên bản ghi nhận nguyện vọng của con (có xác nhận của UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng); Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 129/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2024.

- *Bản sao:* Căn cước công dân Nguyễn Đình Thu T; Giấy khai sinh của 02 con chung.

* *Các chứng cứ do Tòa án thu thập được:* Biên bản xác minh ngày 25/11/2024 tại Công an phường X; Biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Đình Thu T ngày 23/01/2025.

***** Bị đơn là anh Nguyễn Thanh T1 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, cũng như không có lời khai trong hồ sơ vụ án, mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quyền và nghĩa vụ của mình, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký ký hôn năm 2009. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 21, 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 131 Luật

Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Đình Thu T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 12/11/2009 và cháu Nguyễn Trung Q, sinh ngày 13/12/2015 cho chị Nguyễn Đình Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Thanh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, chị Nguyễn Đình Thu T có đơn yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung với bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về ly hôn, con chung"; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 có nơi cư trú tại khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Đình Thu T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về việc áp dụng pháp luật: Chị T và anh T1 xác lập quan hệ hôn nhân ngày 19/01/2019, do đó áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết về nội dung vụ án.

[4] Về nội dung vụ án: Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có bất kỳ ý kiến hay yêu cầu gì, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Đình Thu T và anh Nguyễn Thanh T1 tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào ngày 19/01/2009 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Đình Thu T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Đình Thu T và anh Nguyễn Thanh T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, chị T đã không còn sống chung với anh T1 tại khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai từ cuối năm 2021. Trong khi chị T cùng 02 con chuyển đến sinh sống tại thành phố Đà Nẵng thì anh T1 vẫn sống tại Thành phố L, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T1 và chị T mạnh ai nấy sống,

không ai quan tâm đến ai, anh T1 cũng không qua lại thăm nom hay phụ giúp chị T trong việc chăm sóc con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thanh T1 không đến Tòa án trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử vụ án, mặc dù Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, điều này thể hiện anh T1 không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với chị T, do vậy lời khai của chị T trong quá trình giải quyết vụ án là có căn cứ.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Đình Thu T và anh Nguyễn Thanh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ nhiều năm nay nên mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chị Nguyễn Đình Thu T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] *Về con chung*: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 12/11/2009 và cháu Nguyễn Trung Q, sinh ngày 13/12/2015. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con.

Xét thấy, từ cuối năm 2021 cho đến nay, cháu N và cháu Q vẫn sống cùng chị T tại số nhà G T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Anh T1 không qua lại thăm nom, cũng như không phụ giúp chị T trong việc chăm sóc các con; nguyện vọng của cháu N và cháu Q là được tiếp tục sống cùng với mẹ, nên cần thiết giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời chị T không yêu cầu nên anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 9, 10, 11, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Các điều 19, 51, 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Đình Thu T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Đình Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 12/11/2009 và cháu Nguyễn Trung Q, sinh ngày 13/12/2015 cho chị Nguyễn Đình Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm thời anh Nguyễn Thanh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Thanh T1 được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết chị Nguyễn Đình Thu T, anh Nguyễn Thanh T1 được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Đình Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0005805 ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, thành án phí. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tp. Long Khánh;
- Chi cục THADS tp. Long Khánh;
- UBND xã Suối Cao, huyện Xuân Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đồng Thị Hương